

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tụy như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Nụ cười chữ nghĩa

Đề thi:

Em hãy cho biết ý nghĩa câu thơ “Bàn tay ta làm nên tất cả, có sức người sỏi đá cũng thành cơm”

Bài làm lớp 11:

“Theo em nghĩ thì nếu hiểu sâu thì câu này rất tối ưu là vô nghĩa vì sỏi đá thì khó có thể biến thành cơm được”

(Văn trẻ Việt ngày nay – Sài Gòn Nhỏ)

Giai thoại làng văn

Riêng có Vũ Trọng Phụng bán nhất, là vì anh chưa có vợ để buôn bán giúp đỡ, mà bà nội và mẹ lại già, không thể kiếm ra tiền. Vì thế Vũ Trọng Phụng không mấy tán thành nếp sống của chúng tôi lúc đó; nhiều khi anh em đi hát hay chè rượu, phiện phò thì anh ngồi uống nước, hút thuốc lòa một mình và viết bài cho báo khác để kiếm thêm giúp bà, nuôi mẹ.

Cuốn “Dứt tình” và “Giông tố” của Thiên Hư Vũ Trọng Phụng viết trong thời kỳ này. Bây giờ đọc hai cuốn truyện ấy, có nhiều người tưởng là anh viết một hơi; thực ra, Vũ Trọng Phụng không bao giờ có thời giờ để viết quá mười trang giấy. Cứ gần đến ngày phải nộp bài cho “Hà Nội Báo” - tiểu thuyết “Giông tố” bắt đầu viết từng

kỳ trên báo này - Vũ Trọng Phụng lại ngồi ì ra một đồng, hút thuốc
lào và hỏi ầm lên có ai biết kỳ trước “Giông tố” đã viết đến đoạn
nào rồi không. Chẳng ai trả lời cả, bởi vì chẳng có ai đọc “Giông
tố” hết. Vũ Trọng Phụng chán đời hết sức, đành phải đi tìm “Hà
Nội Báo” để đọc xem mình đã viết đến câu gì, bây giờ mới phủ
phục xuống giường như con voi viết tiếp, mắt hiếng hấn đi mà
lưỡi thì lè ra như lưỡi con thằn lằn, có khi vừa viết vừa chửi thề
sao mình lại khổ đến thế này, cứ phải viết mới có tiền sanh sống.

Bây giờ Phụng đã ra người thiên cổ, người ta thường kể lại một
câu nói của anh:
“Nếu mỗi ngày tôi có một miếng bít tết để ăn thì đâu có phải chết
non như thế này”.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Hỏi:

Ah mà "mô tê" là cái quái gì....đôi khi chỉ biết sử dụng nhưng hông
hiểu chi ráo chọi.

Đáp :

Mô - "Đi mô rứa?" nghĩa là đi đâu vậy? Hoặc giả như "Chỗ mô?"
nghĩa là chỗ nào?

Tê - "Ngó qua bên tê" nghĩa là nhìn qua bên kia.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Tục ngữ Ta và Tàu

Cáo chết ba năm quay đầu về núi

Thụ cao thiên trượng, diệp lạc quy căn
(Cây cao nghìn trượng, lá rụng về cội)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Từ điển với tiếng Việt

Trong cuốn *Từ điển tiếng Việt* của Văn Tân xuất bản tại Hà Nội, ta bắt gặp những chữ lạ tai, rất ngô nghê có nghĩa khác hẳn nghĩa thông thường mà người Việt đã dùng trước năm 54:

Logic: Hợp với luận lý.

Quá độ: Thời gian chuyển tiếp giữa hai thời kỳ.

Đường kính: Thứ đường ăn đã tinh chế thành tinh thể màu trắng.

Lái xe: Người điều khiển tay lái cho xe ô tô chạy.

Công nghiệp: Dùng máy móc biến hóa nguyên liệu thành công cụ.

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bề bề)

Nhân văn

Ba tháng sau đảng phát động chính sách sửa sai. Lợi dụng thời cơ, văn nghệ sĩ cho ra đời *Giai phẩm mùa Thu*, tập một ngày 29-8-1956 với bài "*Phê bình Lãnh đạo văn nghệ*" của Phan Khôi.

Tháng 9 1956, bán nguyệt san *Nhân Văn* số 1 ra đời và cuối tháng 10 năm 1956, ở đại học, các giáo sư Trương Tửu, Trần Đức Thảo huy động sinh viên cho ra tờ *Đất Mới* với Phùng Quán, Bùi Quang Đoài. Đất Mới ra được một số thì bị đình bản. Cuối tháng 11 năm 1956, đảng hạ lệnh đóng cửa tờ Nhân Văn và Nhân Văn số 6 bị tịch thu.

Tháng 10, Thường vụ Hội Văn nghệ ra thông cáo nhận sai lầm trong việc phê bình bài thơ "Nhất định thắng". Hoàng Cầm cho tái bản *Giai phẩm mùa Xuân* trước bị thu hồi.

Sắc lệnh ngày 15-12-56 được ban hành cấm tự do báo chí trừ những báo của đảng, chấm dứt số phận những tờ Giai Phẩm, Nhân Văn, Đất Mới, *Trăm Hoa* (Nguyễn Bính).

(Thụy Khuê – Hồ sơ Nhân văn Giai phẩm)

Âm, thanh, ý, tình

Âm thanh muôn hình trạng tả hộ ta muôn tình ý âm thanh thuần túy. Mới lần đầu nghe những tiếng *lừng khừng, mơn man, mon men, oặt oẹo, dẻo, mềm, cóng, toạc...* cũng cảm thấy cái tình ý đại khái của những tiếng đó trước khi tìm hiểu rõ rệt ý nghĩa trong một quyển tự vị...

Thí dụ như âm *ong*: Ngoài ý nghĩa một giống côn trùng có cánh, ta còn nhận thấy tiếng đó gợi cho ta một hình dáng đặc biệt, hình dáng của cái gì không phẳng lì, không ép dẹp mà *cong lên, tròn lên, phồng lên*, như hình dáng miệng ta khi sửa soạn để phát âm đó ra. Ta thử nhắc lại vài lần: *ong, ong...* ta sẽ thấy hình như ta muốn gởi vào trong âm đó một cái ý niệm đặc biệt về hình dáng. Rồi ta ngẫm lại những tiếng mà người ta thường dùng có âm đó, thường là tả một cái ý niệm hình dáng tương tự. Ví dụ: *Cong*: cái gì *không thẳng, uốn thành hình tròn*. Từ ý đó chuyển sang những ý: *Còng, cồng, cồng, vồng, vồng, tròn, bồng, òng, ồng...*

Mỗi phụ âm cũng đem một ý nghĩa đặc biệt đến khi hợp với một nguyên âm. Như phụ âm *ph* tả ý phập phồng (*phẳng phất, phơi phóng, phi phèo, phưỡn, phồng*).

Phụ âm *th* tả được ý nhẹ nhàng, hời hợt (*thoảng, thơ thẩn, thấp thoáng, thất thiếu...*),

Phụ âm *x* tả được ý cọ xát, hay khô khan (*xiết, xơ xác, xoa...*).

Mỗi thanh vốn cũng có một tình tứ riêng. Thanh *a* nhẹ nhàng, trong trẻo nhất, nên tả được những ý tứ mong manh, nhiều khi không có màu sắc gì rõ rệt. Ví dụ: *cong, xoa, êm, vương*.

Thanh *â* âm trầm, tương bồng thâm trầm, tả được những tứ dồi dào hơn. Ví dụ: *còng, xòa, mềm, phồng, bồng, chim*.

Thanh *á* cứng cáp, mạnh mẽ, thẳng thắn, tả được những dáng chắc chắn, những cử chỉ hăng hái, quả quyết. Ví dụ: *cóng, xóa, cứng, đứng, bắn, vương...*

Thanh *ả* uyển chuyển từ thấp lên cao như một dáng hoạt động mà mềm dẻo, một cử động không muốn ngừng dở dang chưa đến chỗ cùng. Ví dụ: *ngả* (xiêu xiêu dần), *ửng* (đổ dần dần), *bồng, bồng lảng, thủ thi...*

Thanh *ạ* tả được cái ý nặng nề, nghẹn ngào, im lặng. Ví dụ: *nặng, nghẹn, chẹn, thẹn, ngưng, lặng, cựa quậy...*

Thanh *ã* tả được cái ý sững sờ, cái cử động đứng, ngăn ngừa vụn vặt và cũng cả cái ý trơ trẽn. Ví dụ: *đổ, ngã, vỡ, lững thững...*

(Đoàn Phú Tứ - Tạp chí Thanh Nghị)

Tiếng Việt vừa khó vừa không dễ

Hỏi : Mình thấy câu tục ngữ “bút sa gà chết” rất hay. Ý nó muốn nói đến việc phải suy nghĩ kỹ trước khi đưa ra một quyết định nào đó. Nhưng tại sao lại là gà “*chết*”? Sao không phải là heo chết, bò chết hay khỉ chết? Chó chết nghe có vẻ thích hợp hơn. Bạn nào biết giải nghe coi, cảm ơn.

Đáp : Hỏi lại bạn, bạn thích câu tục ngữ nào nhất trong các câu tục ngữ sau đây:

- *Bút sa khỉ chết*
- *Bút sa lợn chết*
- *Bút sa gà chết*
- *Bút sa bò chết*
- *Bút sa chó chết*

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Tiếng nói và giọng nói

Trong ngôn ngữ dân gian, hiện tượng biến âm thường xảy ra như một sự kiện ngẫu nhiên.

Trong cách nói “*chu chóa ơi*”, hay “*chu mẹt ơi*” thì “*chóa*” có lẽ là chữ *cha* và “*mẹt*” có thể là chữ *mẹ* bị đọc trại đi.

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

Thang tuổi...

Hỏi: Cháu nghe nói hình như có “*một cái thang tuổi*” cho người đàn ông phải không?

Đáp: Đúng, cái thang tuổi như sau:

Tam thập nhi lập: tuổi 30 là tuổi xây dựng cuộc đời.

Ngũ thập tri thiên mệnh: đến 50 tuổi là biết mệnh trời là thành công hay thất bại. (*Sau tuổi này thì khó làm lại sự nghiệp*).

Đáo tuế: trước kia, theo người Á đông thì người già đã số chết ở tuổi 60. (*Vậy có thể hiểu đáo tuế là đến tuổi chết*).

Ngữ pháp tiếng Việt

Khác với ngoại ngữ Tây phương, để gọn và tránh trùng điệp cho mệnh đề phụ theo sau, phụ từ chỉ thì quá khứ “đã” có thể bỏ luôn vì lẽ “*ý tưởng thời gian quá khứ*” đã cô đọng ở ở túc từ “*hôm qua*”: Tôi đánh mất cái bút anh cho tôi *hôm qua* rồi.

Thay vì: “Tôi **đã** đánh mất cái bút anh **đã** cho tôi hôm qua.

Và người Tây phương nói: “Ta về **và** ta tắm ở ao **của** ta.

Thì người Việt nói gọn hơn: “Ta về ta tắm ao ta”.

(Đỗ Quang Vinh - Tiếng Việt tuyệt vời)

Ca dao

Ca dao là thơ, được gạn lọc từ thời này qua thời khác do những thi sĩ khuyết danh. Cách gieo vần hạ chữ tài tình, giàu âm thanh mộc mạc, gợi cảm. Tưởng như vô tình nhưng khó có thể thay thế câu, chữ được:

Đương khi lửa tắt cơm sôi
Lợn kêu con khóc, chồng đòi tòm tem
Bây giờ con đã ngủ yên
Lợn no cơm chín, tòm tem thì tòm

Chữ “tòm” nghe ngắn gọn chấm dứt bốn câu lục bát.

Một chữ rất “đắt”. Rất “*nhất tự thiên kim*”. Tòm là một lời giục giã, dí dỏm, khó tìm được chữ nào gợi thanh, gợi hình nào hơn.

(Diệu Tần – báo Xây Dựng”

Chữ nghĩa văn hóa ẩm thực

Rất nhiều bài viết về phở viết: “ hành trần, tái trần “.

Tuy nhiên, thật ra là: “hành chần, tái chần “.

Vì theo *Tự Điển Khai Trí Tiến Đức* thì “chần” (và trụng) có nghĩa là luộc sơ bằng nước sôi.

Những câu đối hay

Nguyễn Tử Mẫn, thường được gọi là Huyện Hiệp Hoà, sinh năm 1820 và mất năm 1901, có một câu đối:

Sáng sáng ăn sáng rồi, cầm quyền mới, kỳ cui ký cú viết vài trương, đoạ thu gương mắt, xếp khăn tay, giắt bút vào tam sơn, ngả lưng ngáy khò khò chờ tối xuống.

Ngày ngày ngủ ngày dậy, vợ câu cũ, phếu pháo phều phào máy khẩu, đứng dậy ngắm chậu hoa, nhìn cây thế, rê chân đi bách bộ, vỗ tay cười khanh khách đón trăng lên.

Trẻ hơn Nguyễn Tử Mẫn 15 tuổi, Nguyễn Khuyến (1835-1909) cũng có phong thái nhàn nhã ấy:

Khi vườn sau khi sân trước khi điếu thuốc khi miếng trà khi trà chuyên năm ba chén khi Kiều lấy một đôi câu.

(Nguyễn Hưng Quốc – Tâm sự...phê bình)

Thay đổi ngữ nghĩa

Bác sĩ, nguyên thủy gốc Hán gồm ba nghĩa:

1. Chỉ một chức quan được đặt ra từ đời Tần: ngũ kinh bác sĩ, quốc tử bác sĩ.
2. Chỉ thành thạo nghề gì: *trà bác sĩ* tức *người chuyên bán trà*.
3. Chỉ học vị: pháp học bác sĩ hoặc giả như *y học bác sĩ*.

Thế nhưng, Việt Nam dùng từ bác sĩ với một nghĩa rất hẹp, chỉ người tốt nghiệp đại học y khoa tức "*y học bác sĩ*". Trong khi đó, tiếng Hán hiện đại lại có từ "*y sinh*" để chỉ thầy thuốc (*bác sĩ*).

(Võ Ngân Vương - Tạp chí Tài hoa trẻ)

Địa danh Sài Gòn

Gồm hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn nhập một từ năm 1956; đông giáp sông Bến Nghé, tây giáp rạch Lò Gốm, nam giáp kinh Bến Nghé và kinh Tàu Hủ, bắc giáp rạch Thị Nghè. Có nhiều giả thuyết về nguồn gốc địa danh này:

Trước tiên, có tên là Sài Côn, tiếng phiên âm của tiếng *Prei-kor* (rừng cây bông gòn) hoặc của tiếng *Prei-Nokor*, nguyên là tư dinh của Phó vương Cao Mên, thuộc vùng Chợ Lớn, lối chùa Cây Mai. Nơi đây, năm 1778, người Minh hương từ Cù lao Phố (Biên Hòa) rút về, xây bờ gạch cao dọc theo kinh Tàu Hủ để ngăn

nước, nên được người Tàu gọi là *Thầy Ngòn* (tức Đê Ngạn); do tiếng *Thầy Ngòn* này, người Pháp phiên âm ra *Saigon*, lại gọi cách sát nhập cả phía Gia Định thành; còn chỗ có tên Sài Côn hay Thầy Ngòn (Đê Ngạn) lại gọi là Chợ Lớn.

Thuyết này cho Sài Côn hay Sài Gòn là tiếng phiên âm của chữ *Tây Cung* là vòng thành của Phó vương Cao Mên, đối chiếu với Đông Phố là tư dinh của quan kinh lược Việt Nam. Sài Côn hay Sài Gòn cũng đều là tiếng phiên âm của hai chữ *Tây Cống*, có nghĩa là nơi nhận cống lễ của các đời vua Cao Mên dâng cho vua Việt Nam. Như vậy, dầu do tiếng nào phiên âm ra, Sài Gòn khi xưa là Chợ Lớn ngày nay.

Tên cũ từ năm 1789 tới 1861 là Gia Định thành. Tên *Sài Gòn* có từ năm 1861 là năm Pháp đặt nền hành chánh tại đó để khống chế cả miền Nam. Đến năm 1931, Pháp mới nhập thành phố Chợ Lớn về Sài Gòn và gọi chung là *Địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn*; năm 1954, do dự Báo Đại ngày 30 tháng 5, Địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn đổi ra *Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn*; từ năm 1956, do sắc lệnh ngày 22 tháng 10 của Tổng thống Ngô Đình Diệm, Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn được đổi lại là *Thủ đô Sài Gòn*.

(Lê Văn Đức - Việt Nam tự điển)

Tiếng nói và giọng nói

Trong ngôn ngữ dân gian, hiện tượng biến âm cũng tùy thuộc vào thói quen chung.

Ở miền Bắc, âm thanh phát ra khỏi cửa miệng phải qua sự nghiền, xát. Như khi họ nói hai tiếng “giai” và “trai”, “giời” và “trời”, “giăng” và “trăng”, người nghe sẽ thấy sự khác biệt về cách phát âm. Vì âm “gi” như “d” và “tr” như “ch”.

Trong khi miền Nam họ thả lời âm thanh, nói bằng giọng thoát và tự nhiên. Nhưng họ lẫn lộn phụ âm đầu “v” và “d”, họ còn không đọc phụ âm cuối. Nên có câu thành truyền miệng: “Bánh *nhieu* quá sao kêu là bánh *ít*”. Đúng ra là...bánh ích.

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

Báo Văn

Đăng cho ra tuần báo *Văn* thay thế với Nguyên Công Hoan, Nguyễn Tuân và Nguyên Hồng. Chẳng bao lâu, báo *Văn* cũng lại

đổi thái độ, bỏ bớt những bài ca tụng, thêm dần những bài chỉ trích. Những cây bút cũ của Nhân Văn giai phẩm lại thấy xuất hiện trên báo Văn. Sau khi báo Văn số 36 ra ngày 10-1-58 đăng bài **Ông Năm Chuột** của Phan Khôi thì Văn bị đình bản hẳn, chấm dứt phong trào Nhân văn giai phẩm.



Về hoạt động của phong trào, theo lời buộc tội của Tố Hữu, sự phân phối công tác được chia ra như sau: Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm hoạt động hội Nhà văn; Trần Duy, Sĩ Ngọc, Nguyễn Sáng ở hội Mỹ thuật; Chu Ngọc, Hoàng Tích Linh ở hội Nghệ sĩ Sân khấu; Từ Phát (Từ Phác?), Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Đặng Đình Hưng ở hội Âm nhạc; Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo là những nhà tư tưởng của phong trào; Thụy An, Nguyễn Hữu Đang liên lạc, huy động và khuyến khích anh em; Trần Thiếu Bảo, chủ nhà in Minh Đức, in các giai phẩm, và phương tiện để phát hành báo Nhân Văn. Nhà in Minh Đức còn là trụ sở của các cuộc họp báo Nhân Văn và Đất Mới.

Chữ và nghĩa

Đạo tư kếp bừa bãi và không cần thiết. Tôi đọc được cách đảo kỳ cục trong một tác phẩm gần đây. Nguyên câu đã viết là: "...ông Năm xa xót nhìn hai đứa trẻ....".

Đạo từ như thế là bừa bãi, chẳng nhằm lợi ích gì. Với văn vần thì có thể tạm chấp nhận sự đảo từ cho hợp thi luật; nhưng với văn xuôi thì không thể đảo từ một cách bừa bãi được. Còn rất nhiều từ kếp bị đảo xuôi đảo ngược vô tội vạ nữa:

Nguy hiểm / hiểm nguy; đơn giản / giản đơn; khai triển / triển khai; từ chối / chối từ; bảo đảm / đảm bảo; bền vững / vững bền; minh chứng / chứng minh; phục hồi / hồi phục; biệt ly / ly biệt; tha thướt / thướt tha; thần thờ / thờ thần; tranh đấu

/ đấu tranh; thơ ngậy / ngậy thơ; xúc cảm / cảm xúc; quang vinh /
vinh quang / kinh hoàng / hoàng kinh; ái ân / ân ái...

Có lẽ trên thế giới, không ngôn ngữ nào có các từ bị đảo ngược
lung tung như ngôn ngữ Việt Nam hiện nay. Cứ cái đà này, tôi e
có ngày mình sẽ đọc được một câu thế này: "Người sĩ-chiến sinh-
hi ngoài trận-mặt để vệ-bảo quốc-tổ, dân-nhân ở phương-hậu
phải tỏ lòng ân-tri với các hùng-anh sĩ-liệt"!!!

Hát nói

Hát nói như một thể thơ là thành quả đáng ca ngợi của các nhà
nho Việt Nam. Nó rất đặc sắc, mà lại có gốc gần thuần Việt. Sở dĩ
"gần" là do hai câu đầu của khổ nhì là hai câu song thất nhịp Tàu.
Làm thơ ta theo nhịp Tàu thì ta vẫn đã làm, như Hồ Xuân Hương,
như Bà Huyện Thanh Quan v.v. Làm thơ Đường luật mà hay như
hai bà (và vô số ông) thì tức là làm giàu cho khả năng diễn tả của
thi ca Việt chứ không sao cả.

Nhưng trong bài hát nói, hai câu thơ nhịp Tàu gây rắc rối. Vì
chúng rất thường là hai câu tiếng Tàu, rất Tàu! Hai câu tiếng Tàu
trong bài thơ tiếng Việt, khác nào chiếc đuôi sam lủng lẳng sau
lưng một người Việt Nam mặc áo dài đội khăn đóng!

Nhà nho Việt Nam đọc thơ Tàu, thực ra là học thơ Tàu, ngày
đêm, thế mà các cụ vẫn phát minh ra được thơ hát nói. Có điều,
cái diễn tiến trí thức ta tự Tàu hóa về tư tưởng kéo dài qua nhiều
thế hệ rốt cục đã để lại một cái "vết" trong đa số bài hát nói.

Mùi và vị

Giáo sư quá cố Nguyễn Đình Hòa, tác giả nhiều công trình về
tiếng Việt rất công phu. Trong cuốn *Tiếng Việt Chữ Việt* của
Nguyễn Phước Đáng, ông Đáng có kể chuyện ông có thỉnh ý
giáo sư Nguyễn Đình Hòa về hai từ "Mùi" và "Vị".

Giáo sư Hòa đã trả lời đại ý là trong tiếng Việt hai tiếng "Mùi" và
"Vị" là một, là đồng nghĩa. Cố nhiên Nguyễn Phước Đáng không
chịu. Giáo sư Hòa bèn dẫn chứng:

- "Vị" là mượn từ tiếng Hán và "Mùi" cũng từ tiếng Hán đó nhưng
ở vào một thời đại cổ hơn nữa nên hai từ "Mùi" và "Vị" là một.

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bề bề)

Những người viết miền Nam

Không rõ vì thiếu tài liệu hay vì một lý do nào khác, Tập 4 của bộ sách *Văn Học Việt Nam Nơi Miền Đất Mới* của Nguyễn Q. Thắng chỉ đề cập tới, một cách hời hợt và nông cạn, 53 “văn gia” của Việt Nam Cộng Hoà, với mỗi người được tác giả gán cho một nhãn hiệu. Chẳng hạn Nguyễn Văn Trung có nhãn “nhà văn nhập cuộc”, Cao Xuân Hạo “nhà lập thuyết ngữ học”, Nguyễn Ngọc Lan “nhà văn Công giáo, nhà báo dẫn thân”, Thế Uyên “nhà văn nhập cuộc”, Viên Linh “hoàng đế”, ‘nhà độc tài’ văn học” (!?), Hồ Trường An “dược sĩ” (?), nhà văn”, v..v..

Lại thấy cả thi sĩ Phùng Quán của thời Nhân Văn Giai Phẩm trong đám này nữa, với nhãn “nhà văn, thi sĩ hiện thực”.

(Nguyễn Công Khanh – Lịch sử báo chí Sài Gòn)

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Hỏi : Ai biết tại sao người Việt gọi những người thân phía ba/cha là *họ nội*, còn những người thân bên má/mẹ là *họ ngoại*?

Đáp : Thử hỏi bộ *nội* vụ và *ngoại* giao coi.

Giai thoại làng văn

Nhưng không hiểu duyên nợ gì cứ buộc tôi phải chọc Ngô Tất Tố. Điển hình là vụ Ngô Tất Tố dạy tôi học chữ nho, và tôi dạy lại Ngô Tất Tố học chữ Tây. Sau một mật ước với anh em, tôi làm ra bộ rất đứng đắn, một hôm, trịnh trọng bảo Ngô Tất Tố:

- “Bác Tố ạ, chúng ta làm báo đã lâu, nhưng thực ra chưa làm báo”. Tố hỏi lại tôi:

- Bác nói gì? Tại sao ta lại chưa làm báo?

- Là ý tôi muốn nói thế này, bác ạ. Bác viết báo vào hạng cừ, anh em đều nhận thế; nhưng dù sao bác cũng phải nhận rằng bác còn thiếu chữ Tây, mà tôi vào cái hạng đàn em, nhưng viết cũng gọi là khờ khớ, tôi lại thiếu hẳn cái chữ Nho.

Ngay hôm sau, tôi bắt đầu chương trình dạy tiếng Pháp và được bác Tố chăm chú học hỏi một cách thành kính. Tôi bắt đầu bằng một tràng lý luận:

- Tôi không hiểu chữ nho ra sao chứ cách cấu tạo chữ Pháp của họ tinh vi và thiết thực hết sức. Đại khái cây mía. Nó nói gì? Thoạt đầu, nó giống cây tre, cây tre tiếng Pháp là [bambou]. Hít cây mía, có nước. Nước là “eau”. Vì thế cây mía tiếng Tây gọi là bambou hít ra lô.

Bác Tố lằm nhằm đọc “bambou hít ra lô” là cây mía, cây mía là “bambou hít ra lô”... Mặt tôi vẫn nghiêm. Vấn lý luận như trên, tôi dạy thêm: Lanh nhanh là cái tàu điện, đanh đông là cái đỉnh đồng, lơ sơ vợ là anh sợ vợ, laboratoire là Lã Bố ra tòa.

Đến hai danh từ sau cùng, anh em và chính tôi thấy mặt bác Tố bơ vơ, không thể nín cười được nữa, bật ra một tràng cười rung động cả sàn gác. Tố biết mình bị lỡm, cầm cái gối ném vào mặt tôi và ngay lúc đó đứng dậy mặc cái áo the, chụp cái khăn vào đầu, lê đôi giày Gia Định một cách thiếu não đến nhà Mai Lĩnh nằm nhai khối hận.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Truyện chớp - Cải táng

Trước khi qua đời chiều nào ông nội tôi cũng uống rượu. Ông mặc bộ đồ trắng sạch sẽ, đi thông thả đến tiệm tạp hóa gần sân vận động xã, làm vài ly đế. Khi về, ông đi loạng choạng, chân nọ xọ chân kia, nhưng không bao giờ ngã té.

Những chuyến đi diễn ra đều đặn mỗi ngày trong nỗi buồn vô hạn vì cái chết đột ngột của cha tôi, vì thời thế đổi thay, vì gia đình chúng tôi phải từ thành phố về sống ở thôn quê trước con mắt dò xét của lũ người thô lỗ và xu thời. Chẳng bao lâu ông tôi chết vì rượu, khi tôi ở xa.

Vài năm sau tôi về cải táng mộ. Khi đào lên, người ta dùng rượu rửa sọ ông, rửa rất lâu cho đến khi linh hồn ông say khướt. Trên cánh đồng cát không người, tôi thấy ông nội đi loạng choạng về phía chân trời.

Chữ và nghĩa

Tiếng Mỹ chỉ dùng một chữ “black: để chỉ tất cả những vật gì, con gì màu đen. Trong khi đó tiếng Việt thì khác: ngựa đen thì kêu là ngựa ô, chó đen thì kêu là chó mực, mèo đen thì kêu là mèo mun, gà đen thì kêu là gà quạ, bò đen thì kêu là bò hóng, tóc đen thì kêu là tóc huyền, mực đen thì kêu là...mực tàu.

Đã là màu đen rồi người Việt ta còn nhấn mạnh thêm mức độ đen hơn như: đen tuyền, đen ngất, đen bóng, đen sì, đen đũi, đen óng, đen kịt, đen dòn và đen thui đen thui, đen...thùi lùi.

Còn không được đen lắm là...đen đen.

(Lê Anh Tuấn – Báo Sài Gòn Nhỏ)

Tiếng Bắc, tiếng Nam

Nam bỏ trong rương, Bắc tuôn vào hòm
Nam lết vô hòm, Bắc mặc áo quan

Viết và nói tiếng Việt

Cuối năm 1979, đầu năm 1980, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam đã phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục tổ chức một số cuộc hội thảo về vấn đề chuẩn hoá tiếng Việt. Bộ Giáo dục thông qua một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục. Ngày 01/7/1983, Quyết nghị của Hội đồng chuẩn hoá chính tả và chuẩn hoá thuật ngữ đã được ban hành và áp dụng cho các sách giáo khoa, báo chí. Khi tiếng Việt được thống nhất và chuẩn hoá, toàn quốc sử dụng chung một thứ ngôn ngữ theo một tiêu chuẩn, mẫu mực nhất định.

Hãy thử “rà xoát” một từ dưới đây xem sao:

Cảm giác - “Xin anh cho biết *cảm giác* ra sao về hiện tượng đó”, những gì cảm thấy được được bằng giác quan. Có ngũ giác: xúc giác: sờ chạm, thị giác: mắt thấy, thính giác: tai nghe; vị giác: lưỡi nếm, khứu giác: mũi ngửi.

Dùng đúng chữ phải là: “Xin anh cho biết cảm nghĩ, cảm tưởng, về hiện tượng đó”.

(nguồn Chu Đậu)

Tiếng Việt cổ

Cây dừa tiếng Bắc vào thời vua Lê chúa Trịnh gọi là “cây da” vì mượn chữ Hán là “cây da”, tiếng Quan Thoại gọi là cây dẻ. Sau mới có tên là cây dừa.

Di dân vào đến miền Trung, xuống tới miền Nam vẫn là cây dứa. Riêng người Vĩnh Long kêu *cây da* xưa cũ là... *cây đă*. Nếu kêu cây dứa thì họ phát âm là...cây gừa.

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Nhân văn Giai phẩm

Tố Hữu, và nghị quyết của ban chấp hành hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật lên án nhóm Nhân Văn giai phẩm. Ngày 5-6-1958 tại Hà Nội, hơn 800 văn nghệ sĩ thảo luận nghị quyết gọi là "Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ" phụ họa với nghị quyết của hội Liên hiệp. Sau đó trong tuần lễ từ 21-6 cho đến mùng 3-7-1958, lần lượt các ban chấp hành hội Nhạc sĩ, hội Mỹ thuật, hội Nhà văn huà nhau thi hành biện pháp kỷ luật đối với các thành viên của hội có chân trong phong trào Nhân Văn giai phẩm :

Hội Nhà văn khai trừ Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh khỏi ban chấp hành.

Hội Mỹ thuật cảnh cáo Sĩ Ngọc, Nguyễn Sáng rút khỏi ban chấp hành.

Hội Nhạc sĩ chấp nhận Văn Cao, Nguyễn Văn Tý rút khỏi ban chấp hành.

Cả 3 hội nghị khai trừ Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An ra khỏi hội Nhà Văn.

Trần Duy ra khỏi hội Mỹ thuật.

Khai trừ thời hạn 3 năm Trần Dần, Lê Đạt khỏi Hội nhà văn.

Từ Phát, Đặng Đình Hưng ra khỏi hội Nhạc sĩ Sáng tác và cảnh cáo một số hội viên khác đã tích cực hoạt động trong nhóm Nhân Văn giai phẩm.

(Thụy Khuê – Hồ sơ Nhân văn Giai phẩm)

Chữ nghĩa thập niên 20

Phù sinh – Phù là nổi, sinh là sống. Người ta sinh ở trên đời, thường không ở một nơi, nay đây mai đó, trôi nổi không chừng, nên gọi là phù sinh

Trong bài *Xuân dạ yến đào lý viên*, Lý Bạch có câu "Phù sinh nhược mộng, vi hoan kỳ hà". Nghĩa là cái sống nổi trôi như một giấc mộng, vui có là bao...

(Tôn Thất Lương – Xuân Mộng)

Chữ nghĩa tiếng Việt

Trong bài dân ca *Cái trống cơm*, Phạm Duy phổ nhạc “Một bày tang tình *con nít* ố mấy lội, lội sông, ố mấy đi tìm...”.

Một nhà phê bình văn học cho biết “*Con nít* mà lội sông lờ...chết đuối thì sao!”. Và nhà phê bình văn học này cho hay không phải “con nít” mà là... “*con sít*”. Đó là một loại chim chuyên phóng xuống nước và...lội để bắt cá”. Người Bắc thường nói “*Con sáo, con sít*”.

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

Giai thoại làng văn

Tôi nhớ anh Nguyễn Minh Châu nói, nhà văn Việt Nam cả ba thế hệ đều hèn:

- Trước cách mạng là nhà văn nô lệ.
- Từ 1945 đến 1975 là nhà văn lính, rất sợ cấp trên.
- Sau 1975 là nhà văn đối nên cũng hèn.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Không biết dựa cột mà nghe, cứ le te người ta đấm cho vỡ mồm.

Tre trúc Việt Nam

Thế mà từ thuở bé đến giờ tôi cứ đinh ninh là tre to hơn trúc. Hình ảnh cái màn trúc, cái chõng tre của bà nội, cái xe điều uốn cong của bố, cái cầu ao đầu làng... Hay là mình nhớ sai? Thân trúc (tiếng Việt) vốn nhỏ, người Việt không chẻ trúc để làm gì cả. Chỉ có văn học mới lồi trúc (chữ Hán) ra chẻ.

Bản dịch *Bình Ngô đại cáo* có câu:

“Trận Bò Đàng như sấm vang chớp giật,
Trận Trà Lân như trúc chẻ tro bay.”

Hoặc giả như:

“Thừa cơ trúc chẻ ngói tan
Binh uy từ ấy sấm ran ra ngoài”
(Kiều)

“Trúc chẻ” chữ Hán là “phá trúc”. “Phá trúc” dịch hết sang tiếng Việt là “chẻ tre”. “Trúc chẻ ngói tan” chỉ thế quân mạnh, đánh đâu được đấy. Dễ như chẻ tre, tháo ngói. Chẻ tre, chẻ được một mắt thì các mắt khác tự tách ra. Tháo ngói, tháo được một hòn thì cả mảng sụt theo” (Đào Duy Anh, *Từ điển truyện Kiều*). Đào Duy Anh gián tiếp đồng ý rằng “trúc chẻ” nghĩa là “chẻ tre”.

Tại sao trong thơ văn xưa của ta, chữ tre không được dùng, chữ trúc không được dịch? Chỉ vì niêm luật, thanh điệu của thơ văn. Tre (thanh bằng) không thay thế cho trúc (thanh trắc) được. Rốt cuộc các tác giả, dịch giả đã chọn cái hay thay cho cái đúng.
“Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao”
(Nguyễn Bình Khiêm)

Hay:
“Miệng ăn măng trúc, măng mai
Những giang cùng nửa lấy ai bạn cùng”
(Trần thủ lưu đồn - Ca dao)

Mặc dù bị trúc Tàu lấn át, thỉnh thoảng cây tre của ta cũng được các cụ nhà Nho đề cao. Hoá ra bụi chùa nhà cũng thiêng sao?

(Nguyễn Dư - Chimviet.free.fr)

Tiếng Việt không đơn giản

Hỏi : Xin bà con đừng cười vì em út dốt lắm. Ut có chút thắc mắc:
- Sao cứ hể nói đến vấn đề “lập gia đình”(?) người ta lại sử dụng các từ ngữ có liên quan tới chữ *hôn nhân*..v..v...Xin cảm ơn.

Đáp : Khi cặp trai gái yêu nhau cuồng nhiệt, đến độ "*nhất nhật bất kiến như tam thu hế*" thì họ tổ chức lễ cưới, hôn lễ hay *hôn nhân* theo phong tục cưới xin.

“Hôn” là cha mẹ của nàng dâu.

"*Nhân*" không có nghĩa là người, có nghĩa là cha mẹ chàng rể.
Do đó chữ "*hôn nhân*" mang ý nghĩa cha mẹ của đôi bên là thông gia hay sui gia.

Các giấy tờ do sở hộ tịch chứng-nhận cặp trai gái lấy nhau gọi là hôn-thú, còn gọi là giấy *giá thú*. "*Giá*" có nghĩa là đi lấy chồng, bắt nguồn từ "tam tông" của người phụ nữ "Tại gia tông phụ, xuất *giá* tông phụ, phu tử tông tử".

(ĐatViet.com)

Chữ và nghĩa

Chung cư: Từ kép này được thành lập theo văn phạm Hán Việt vì tính từ đứng trước danh từ cho nên cả 2 từ phải đều là Hán Việt. Thế mà từ "chung" Hán Việt không có nghĩa là chung chạ mà có nghĩa là cuối cùng. Vậy "chung cư" không phải là nơi nhiều người ở chung mà là nơi ở cuối cùng, tức là...mồ chôn hay nghĩa địa. Vậy phải đổi từ chung cư thành "*chúng cư*" thì mới ổn.

(Triêu Thanh tạp chí)

Hát ả đào



Hát ả đào hay hát cô đầu ở nước ta, là một biến thể của nghề ca kỹ của Trung Hoa. Hình ảnh đậm nét là tâm sự của người thiếu phụ bến Tầm Dương của Bạch Cư Dị từ ngàn năm trước đây. Trong quyển *Việt Nam ca trù biên khảo* viết:
- Hát ả đào có từ thời nhà Lý 1025.

- Vua Lý Thái Tổ đặt chức quản giáp cho giới con hát. Đời nhà Lý, có Tống Đạo sĩ người nước Tàu sang nước ta dạy con hát, dạy con gái nước ta múa hát
- Cuối đời nhà Hồ, có người con hát họ Đào, quê ở Đào Xá, Hưng Yên lập mưu giết được quân Minh. Khi nàng mất, dân làng lập đền thờ và từ đấy con hát được gọi là Đào nương hay Ả đào.

(Hoàng Hải Thủy – Đàn bà thời xưa...)

Chữ nghĩa làng văn

Thơ xưa của cụ Nguyễn Khuyến viết về cô *Tư Hồng* mà tên thật là Trần Thị Lan, cùng quê Phủ Lý, Hà Nam với cụ Tam Nguyên: [Tứ phẩm sắc phong hàm cụ lớn](#)
[Trăm năm danh tiếng của bà to](#)

Hồng là tên của người chồng đầu tiên, người Tàu ở Hải Phòng. *Tư* là chức vụ của người chồng Tây thứ hai, tức “*Quan tư*” Croibier Huguet. Tên *Tư Hồng* nức tiếng Hà thành từ đó mà ra...

Tục ngữ Tàu

Từu phùng tri kỷ thiên bôi thiểu
Thoại bất đầu cơ bán cú đa
(*Rượu gặp tri âm nghìn chén ít*
Chuyện chẳng hợp nhau nửa câu cũng rườm rà)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Tiếng nói và giọng nói

Thật sự, nói về cách phát âm không trùng mặt chữ thì miền nào cũng có cả.

Miền Bắc có nhiều nơi phát âm sai các chữ bắt đầu bằng phụ âm “L” với “lờ” thành “nờ”, hay “nhờ”. “R” với “rờ” thành “djờ”. “TR” với “trâu” thành “tâu” như “Con tâu tắng buộc bờ te tụi”.

Miền Trung mỗi tỉnh mỗi phát âm riêng biệt. Huế hay bỏ dấu nặng vào chữ. Quảng Nam đọc chữ “A” ra “Ô”. Quảng Ngãi chuyên đọc chữ “A” ra chữ “E”, như: “Eng hông eng, tét đèn đi ngủ”.

Người miền Nam phát âm đúng các phụ âm bắt đầu bằng chữ L, T, R thì lại phát âm sai bắt đầu bằng phụ âm D, GI, V (da, gia, va) hoặc “R” phát âm thành “G”, như “Đi ga guộng bắt con cá gô, bỏ dô gô, nó kêu gột gột”.

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

Chữ nghĩa làng văn

Viếng là thăm. Nhưng đến nhà ai phải phân biệt “kính thăm” và “kính viếng”, thăm một người khi người đó còn sống, còn “viếng” ai thì được coi như là người đó đã...qua đời.

(Lê Anh Tuấn – Báo Sài Gòn Nhỏ)

Chữ nghĩa hiện thực

Yêu nhau cởi áo cho nhau.
Tháng sau: Em đã có bầu, anh ơi!

Giai thoại làng văn

Nguyễn Khải cũng kể lại, hôm ấy anh ngồi chủ tịch đoàn. Có một cậu nói nhỏ với anh:

- Ông Lành (tức Tố Hữu) đang nói sao cậu lại cười?

Khải sợ quá, vội chối:

- Không, rằng tôi nó *hồ* đấy chứ, tôi có dám cười đâu!

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Tiếng nói và giọng nói

Nói về ngôn ngữ là một điều hết sức phức tạp, rất khó viết nói thế này đúng thế kia sai. Tất cả do sự công nhận của mọi người.

Tiếng Việt có 6 thanh (dấu), trong đó hỏi (?) và ngã (~) hay bị nhầm lẫn. Thí dụ như:

Xử dụng (sai) – Sử dụng (đúng): Xử là phân định một vấn đề, thi hạnh quyết định - Sử là sai khiến, dùng, xài.

Bật thiệp (sai) – Bạt thiệp (đúng): Trong Hán tự chỉ có chữ “bặc” chứ không có chữ “bật” - Bạt là đi qua vùng nhiều cây cỏ.

Thiếp là băng qua vùng có nước đọng. Cả hai chữ hợp lại có nghĩa là lịch lãm, thông hiểu chuyện đời.

Sáng lạng (sai) – Xán lạng (đúng): Sáng là chữ Hán, gần đúng nghĩa – Xán thì đúng hơn vì nghĩa của nó là nung kim loại cho đỏ “sáng” lên.

An ủi (sai) – An ủy (đúng): Ủi giống như lụi thối, làm lụi, lụi lụi, ngẩn ngui, hắt hủi, nghĩa là một dạng từ láy - Ủy có nghĩa là vổ về, thí dụ như ủy lạo.

Năng xuất (sai) – Năng suất (đúng): Xuất là cho ra, đi ra như sản xuất, xuất cảng, xuất tinh, xuất hồn - Suất là phần trong toàn thể.

(Nguyễn Đức Tuấn – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

Tiếng Việt cổ

Con lợn tiếng Việt cổ (tiếng Bắc cũ) gọi là “*con heo*” (hay *con cú*).

Di dân vào đến miền Trung, xuống tới miền Nam thì con lợn được “hoài niệm” để kêu lại với tiếng xưa, thật xưa là...*con heo*.

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Nói lái

Nếu ngoài Bắc có trà “*Thái Đức*” nói lái là “thức đái” cả đêm thì trong quyển *Hơn nửa đời hư* của Vương Hồng Sển có nhiều chuyện nói lái, như xe thổ mộ được gọi là xe “*u mê*” vì đàn bà con gái ngồi bệt trên sàn xe gỗ cứng nên ... “*ê mu*”.

Ngoài ra còn chuyện trong tiệm ăn người Tàu hay dùng “dấm” đồ là “xử”. Khách hàng thay vì gọi cô xắm xin “dấm” hay “xử”, họ gọi gom chung cả Việt lẫn Tàu là “dấm xử”.

“*Dấm xử*” nói lái là... *vú xắm*.

(Nguyễn Hữu Phước – Nói lái)

Giá sách cũ

Câu chuyện *Nhân Văn* bắt đầu từ năm 1956, khi miền Bắc vì áp lực của Trung Cộng, mô phỏng cuộc cách mạng xã hội ở Trung Quốc, ông Hồ Chí Minh tuyên bố cho mọi người, mọi nhà được lên tiếng qua khẩu hiệu: "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh - Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng".

Ngày 15 tháng 9, báo tư nhân mang tên *Nhân văn* ra số 1, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm thư ký toà soạn, với một ban biên tập gồm Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt, Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Lê Văn, Hoàng Tích Linh, Sĩ Ngọc... đã nhân cơ hội này tập hợp lại, dựng nên tờ báo *Nhân văn*.

Cùng một lúc Nguyễn Bính tập kết từ Nam ra Bắc một mình một chợ với tờ *Trăm hoa*.

Điều mà nhóm *Nhân văn* cũng như *Trăm hoa* của Nguyễn Bính nhắm tới là mong mỗi chính trị đừng có xen vào văn nghệ. Câu chuyện *Nhân văn* ban đầu khởi đi chỉ giản dị như thế.

(Hoàng Khởi Phong – Câu chuyện Nhân Văn)

Những hình dạng mới của chữ nghĩa

Một giáo sư ngữ học dạy khoa Văn tại Đại học tổng hợp ở Hà Nội cho biết nhiều nhà văn, nhà thơ thành danh đã phạm những lỗi ngữ pháp ketchup đó là cái lỗi có tên là trùng ngôn (tautology) một lỗi rất nặng cả về tiếng Việt, về tư duy lôgic, như:

- "*rất trắng nõn*" không hiểu rằng "*trắng nõn*" đã có nghĩa là "*rất trắng*" rồi.

Cũng như *trắng bóc, trắng toát, trắng phau, trắng hếu, trắng xoá, trắng nõn, trắng bệch, trắng ngần, trắng dã*, tuy có những sắc thái nghĩa và tu từ khác nhau, song đều có chung ý nghĩa "cực cấp" tuyệt đối (hay "tối cao") như nhau, cho nên không thể thêm rất, lắm, nhất mà cũng không thể thêm hơi, khá, hay hơn, kém, không bằng.

Chữ nghĩa biên khảo: Tên đất ở Giao Chỉ

Các huyện thuộc Giao Chỉ đời Hán tên phần lớn đều vô nghĩa với những tác giả thuộc những thời đại khác nhau chúng (lại) được ghi bằng những chữ khác nhau có âm na ná giống nhau, ví dụ:

Mê Linh, Ma Linh, Mi Linh, Minh Linh, Liên Lâu, Luy Lâu, Đinh Lâu, Doanh Lâu ..v..v.. điều đó khiến ta ngờ rằng đó là tên phiên âm tiếng Việt cổ.

Huyện Liên Lâu trước thế kỷ XVII phát âm là *blâu* hay *tlâu*, *mlâu* v.v. Thành Liên Lâu còn di tích thành lũy ở làng Dâu con sông chảy qua đó là sông Dâu, làng Khương Tự có tên nôm là Kẻ Dâu, chùa Pháp Vân ở đó có tên là chùa Dâu (chùa Bà Dâu), trong chùa có tượng Bà Dâu (1). Ở đó có truyền thuyết Man Nương và cây dâu thần. Vùng Kẻ Dâu xưa là đất bãi, nghề trồng dâu chăn tằm rất thịnh. Đời Lý còn có câu chuyện cô gái hái dâu Ý Lan, lấy vua Lý Nhân Tông nhân dịp vua Lý đi cầu tự ở chùa Dâu. Mọi tài liệu đều nói lên một cách thống nhất: huyện đó là huyện Dâu, bộ lạc ở đó khi xưa là bộ lạc Dâu, với một thị tộc gốc là thị tộc Dâu và có tín ngưỡng tôn giáo xưa về cây Dâu, hoặc liên quan đến totem giáo, hoặc liên quan đến nghi lễ nông nghiệp.

Huyện Mê Linh bộ lạc đó khi xưa mang tên một loài chim (Mling, Bling, Kling) với một thị tộc gốc (bào tộc) thờ chim làm vật tổ thời Hùng Vương bắt đầu dựng nước.

(1) Chắc trước là một miếu thờ Bà Chúa Dâu (như nông dân Thái Bình trồng bèo hoa dâu xưa thờ bà chúa Bèo Hoa Dâu). Sau khi Phật giáo thâm nhập nước ta, miếu biến thành chùa, song vẫn thờ cả Phật, cả Bà Dâu.

(Trần Quốc Vượng, Văn hóa Việt Nam)

Thủy hỏa mặc hầu

Lưng tròn vành vạch đít bảnh bao
Mân mân mó mó đút tay vào
Thủy hỏa tương giao sôi sình sịch
Âm dương nhị khí, sương làm sao
(Bát điều thuốc Lào)

Bài thơ trên phải chăng là của bà Hồ Xuân Hương?

Chữ nghĩa tiếng Việt sao khó thế

Hỏi :

Đệ muốn hỏi thêm bác điều này: Chữ *hôn* có phải xuất xứ từ Hán ngữ... 'hôn' (hông-không) hả bác Kobe? Và chữ *hôn* của Hán ngữ sau này chuyển tiết thành *hôn* (nụ hôn, hôn hay 'hun') của Việt ngữ hay sao? Chữ *hôn* có phải được 'vẽ' rất khác nhau ở thể Hán ngữ : *hôn* (quân) 'vẽ' khác *hôn* (nhân)?...Xin bác giải thích cho.

Đáp:

1 - Chữ *hôn* nguồn gốc Hán.

a- Hôn có bộ nữ đứng bên cạnh chữ hôn là lấy vợ cho con trai, cưới dâu.

b- Hôn là trí óc tăm tối, hồ đồ, mê loạn.

c- Hôn là lờ mờ tối, hoàng hôn.

- Lễ cưới, ngày xưa bên Tàu cứ đến tối mới rước dâu nên gọi là hôn lễ.

Chữ hôn lễ bây giờ đổi mới, có thêm bộ nữ ở phía trước thành hôn.

- Trẻ con đẻ ra mà chưa kịp đặt tên đã chết cũng gọi là hôn.

- Hôn gồm chữ môn (cửa) và chữ hôn ở trong thành gọi là lính canh cửa.

- Hôn đi kèm theo chữ quân (hôn quân) thành ông vua ngu dốt, hung ác.

- Hôn môi kề môi : áp môi, mũi, má vào nhau.

2 - Hôn là chuyển âm của "không". Thuần Việt, là câu hỏi nhõng nhẽo, cong cớn của người con gái đối với con trai. Đây không phải là chuyển ngữ của Hán tự.

"Không" còn nói là "hông" : Em "hông" thèm ! Hoặc : "hông" : Em có buồn "hông"?

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Viết và nói tiếng Việt

Cuối năm 1979, đầu năm 1980, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam đã phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục tổ chức một số cuộc hội thảo về vấn đề chuẩn hoá tiếng Việt.

Bộ Giáo dục cũng thông qua một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục. Ngày 01/7/1983, Quyết nghị của Hội đồng chuẩn hoá chính tả và Hội đồng chuẩn hoá thuật ngữ đã được ban hành và áp dụng cho các sách giáo khoa, báo và văn bản của ngành giáo dục. Khi tiếng Việt được thống nhất và

chuẩn hoá, toàn quốc sử dụng chung một thứ ngôn ngữ theo một tiêu chuẩn, mẫu mực nhất định.

Hãy thử “rà xoát” một số từ dưới đây xem sao:

Đại trà. Cỡ lớn, quy mô lớn. Thí dụ: "đồng bào trồng cây cà phê đại trà". "Đại trà" là bắt chước Trung Quốc. Có thể gây hiểu lầm là..."cây trà lớn"!!

Nghệ nhân. Đây cũng là tiếng Hán Việt, nhưng người Tàu không có chữ "nghệ sĩ", họ dùng chữ "nghệ nhân". Có những người tưởng rằng chữ “nghệ nhân” cao hơn chữ ‘nghệ sĩ’, họ đâu biết rằng dùng chữ “nghệ nhân” là vì tinh thần nô lệ Trung Hoa.

Chữ nghĩa làng văn

Tên món ăn cũng lạ, miền Nam có bánh da lợn làm bằng bột giống lớp da heo. Tại sao không kêu là...bánh da heo? Còn bánh bò thì chẳng có...miếng thịt bò nào! Bánh tiêu thì không rắc tiêu mà rắc...mè! Bánh tét mà gói thật chặt nên không...tét được? Và bánh dày thì...mỏng hơn bánh chưng!

(Lê Anh Tuấn – Báo Sài Gòn Nhỏ)

Lối chơi chữ trong đối và thơ

Trong dân gian, lối nói chữ “dân dã” dễ hiểu hơn và cũng có nhiều lối chơi bắt ngờ, đầy thú vị. Đây là một cách chơi chữ đồng âm:

Bà già ra chợ Cầu Đông

Xem một quẻ bói lấy chồng lợi (1)chẳng?

Thấy bói gieo quẻ nói rằng:

Lợi (2) thì có lợi (3) nhưng rằng chẳng còn

Chỉ khi nhận ra ý nghĩa của các chữ (từ) đồng âm nhưng khác nghĩa, người nghe mới bật cười, vui tếu, nên không nổi giận. Chữ lợi (1) và lợi (2) giống nhau vì đều chỉ cái lợi ích, cái thu được, còn lợi (3) chỉ phần thịt bao quanh răng. Người già răng rụng sạch chỉ còn trơ lợi, móm mém đến vậy mà còn đòi lấy chồng!

(Nguồn : e-cadao.com)

Trích...“Tập làm văn”

Đề: Tả chuyện trong gia đình.

Em gái của em hồi đi học lớp 1 hay lớp 2 gì đó nhưng dốt lắm không biết chữ gì hết. Một hôm bố mẹ kiểm tra bắt nó đọc bài anh Kim Đồng xem. Nó không biết đọc nhìn cái hình có anh Kim Đồng chạy có con chim bay trong hình nó đọc là: “ Anh Kim Đồng đi liên lạc . . . vụt chim . . . vụt chim “.

Tiếng Việt trong sáng

Đại trà: Tôi nhớ sau năm 1975, một người bạn dạy sử địa kể rằng, lần đầu tiên đọc sách giáo khoa từ miền Bắc đưa vào gặp câu: “Cây chè được trồng đại trà ở vùng này”.

Anh ta hơi hoảng vì dạy sử địa bao năm mà bây giờ không hiểu đại trà là gì. Đại là lớn, còn trà là gì? Anh về lật nhiều tự điển kể cả tự điển Hán Việt ra tra thì chẳng thấy chữ đại trà ở đâu cả. Hỏi thăm mãi anh mới rõ trồng đại trà là trồng rộng rãi khắp nơi.

Có lẽ ai đó nổi hứng bịa ra từ vô nghĩa đó để thay thế từ dễ hiểu và có sẵn, sau đó những người khác bắt chước theo. Ngôn ngữ mà biến chuyển như thế thì cũng đáng buồn.

(Triêu Thanh tạp chí)

Khác biệt văn hóa

Hà Nội : đứt tay
Sài Gòn : "đứt tai"

Nguồn gốc tiếng Việt

Về nguồn gốc tiếng Việt, có thuyết cho rằng từ ngàn xưa khi còn là rợ Lạc Việt, tổ tiên ta có một thổ âm giống tiếng Thái. Khi di cư đến châu thổ sông Hồng Hà và miền Bắc Trung Việt ngày nay, thổ âm đó biến thái khi tổ tiên ta tiếp xúc với những sắc dân khác. Tiếng Việt trở thành một thứ tiếng phức tạp do tiếng Việt, tiếng Thái, tiếng Mông, tiếng Mường hỗn hợp với nhau.

Nước ta bị lệ thuộc vào người Hán, ngôn ngữ mượn từ chữ Hán. Nhà ngôn ngữ học gọi là tiếng Hán Việt. Những tiếng Hán Việt khi

được dùng vào Việt ngữ thì theo nguyên tắc nhất định của ngôn ngữ mà biến đổi thành âm luật và ngữ pháp của Việt ngữ.

(Đào Duy Anh - Việt Nam văn hóa sử cương)

Chữ nghĩa làng văn

Cái mặt nó vác lên, trông nó đủ đờn, ăn cơm hớt áy, cho chó ăn. Thường sự mỉa mai nhắm vào tính nết, về phái tính.

Tỉ dụ diếc móc người ta như :

Nghèo rớt mỏng toi, nghèo lỗ đít, thí cho nó tý tiền, cứ gọi là đỏi vàng mặt, đỏi rã họng.

Trong lối nói này, người ta tỏ ra một sự khôn ngoan già dặn, một sự từng trải, sự hiểu đời, cái hơn người. Chẳng hạn :

Các người đừng có vội tí ta tí toét, cứ im đi, cứ im thin thít, có dỗi hơi, kêu gòi kêu đất, đừng có bắt bí nhau, liệu cái thần hồn, bà truyền đời cho mà biết, cứ tẩn cho nó một trận đến lòi tù và ra, vả vào miệng cho tôi, cái giống nhà mày, không có tao thì cả họ mày ăn bún, nó bôi tro trát trấu vào mặt, mấy đũa kia thì đáng vật một nhát cho chết, nó lo xanh mắt, hóa ra hấn nằm vạ, bà truyền đời báo danh cho mày biết, tôi biết tông tông tong...

Nhân văn Giai phẩm

Phan Khôi, bút hiệu Trương Dân, cùng thời với Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh. Phan Khôi sinh năm 1887, tại Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, mất năm 1959. Ông là cháu ngoại Hoàng Diệu. Năm 1907, Phan Khôi ra Hà Nội tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và viết cho tạp chí Đăng Cổ Tùng Báo, hoạt động trong phong trào Văn Thân cùng với Huỳnh Thúc Kháng.

Trong nửa thế kỷ từ Bắc chí Nam, ngọn bút sắc bén của Phan Khôi tung hoành trên các báo Nam Phong, rồi Lục Tỉnh Tân Văn, Đông Pháp Thời báo, Thần Chung, Phụ Nữ Tân văn, Trung Lập, Thực Nghiệp Dân báo, Hữu Thanh, Phụ Nữ Thời Đàm, Tràng An, Sông Hương. Tác phẩm đầu tiên của Phan Khôi là tập *Nam Âm thi thoại*, năm 1920 ở Hà Nội Đến năm 1936, tái bản tại Huế và đổi tên là *Trương Dân thi thoại*.

Bài thơ *Tình già* của Phan Khôi đăng lần đầu tiên trên báo Phụ Nữ Tân Văn tháng 3 năm 1932 được coi như bài thơ mở đường

cho phong trào thơ mới. Trong thời kỳ Nhân văn Giai phẩm, ông đứng tên chủ nhiệm, chủ bút tờ *Nhân văn* để bao che cho các cây bút trẻ. Trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” ở *Giai phẩm mùa Thu* tập 1 với tác phong ngự sử văn đàn, ông chỉ trích Trường Chinh ăn nói bừa bãi, chất vấn gắt gao Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi. Những người chủ chốt trong việc kết tội Trần Dần.

(Thụy Khuê – Hồ sơ Nhân văn Giai phẩm)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Yêu em mấy núi cũng trèo
Đến khi có *chừa*, mấy đèo anh cũng giông

Trông nhà Hồ

*Nhớ em anh cũng muốn vô
Sợ chuông nhà Hồ, sợ phá Tam giang
Phá Tam giang ngày rày đã cạn
Trông nhà Hồ nội tán cấm nghiêm*

Trông là rừng, trông nhà Hồ là rừng Hồ Xá Lâm thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Ngày xưa, rừng này nhiều giặc cướp, ai đi qua cũng sợ. Phá: lạch biển. Tam Giang: ba con sông. Phá Tam Giang là cái lạch biển ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, về phía tây nam có ba con sông là Tả Giang, Hữu Giang và Trung Giang chảy vào rồi đổ ra cửa biển Thuận An. Ngày trước vùng này nhiều sóng lớn, thuyền bè qua lại rất nguy hiểm, sau này nước cạn đi nên còn có tên là Hạc Hải (bể cạn) (theo Đại Nam Nhất Thống Chí). Bài ca dao này nói về việc ông Nguyễn Khoa Đăng, nội tán đời chúa Hiền Tôn (1691-1725) dẹp yên giặc cướp ở vùng Trông nhà Hồ.

Tiếng Việt cổ

Với cây cảnh, tiếng Việt cổ gọi là bông, là trái. Nhưng vì ảnh hưởng từ “*hoa quả*” của tiếng Hán nên người Bắc gọi là hoa, là quả. Thành ngữ cổ có câu: “Tháng Tám nắng râm *trái* bươi”

Di dân vào miền Nam, người Nam vẫn giữ tiếng Việt cổ *bông*, *trái*.

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Tiếng Huế

Người Huế mà không được nói tiếng Huế. Đó là lệnh cấm đối với các thiếu nữ được tuyển vào làm cung phi trong Nội, dưới triều Nguyễn. Họ không được nói giọng Huế mà phải nói y như giọng dân Phụng Đức.

Phụng Đức là khu quần cư, tập trung các người thợ đúc đồng tài giỏi do triều đình tuyển từ Bắc vào hoặc trong Nam ra. Họ là tác giả của chuông chùa Linh Mục, Cửu Vị Thần Công Và Cửu Đỉnh ở Huế. Những sản phẩm của họ dai nắng, dầm mưa, trải bao tuế nguyệt đến nay vẫn chẳng chút nứt rạn hay có tí vết gì. Họ mang theo gia đình ra làm ăn sinh sống lâu ngày ở Huế nên hòa đồng ngôn ngữ với dân địa phương. Dân Phụng Đức không nói một giọng nào mà pha trộn nửa nọ, nửa kia. Các cung phi trong Nội phải bắt chước giọng Phụng Đức, nghĩa là vừa nói nửa Trung, nửa Nam ai không tuân thì bị tội.

Tại sao lại có hiện tượng này? Kể cũng khó hiểu. Và lệnh này có từ đời nào? Có người đưa ra giả thuyết:

Có lẽ chuyện này có từ thời bà Từ Dũ vốn là một phụ nữ Nam Bộ, con gái của Đại Thần Phạm Đăng Hưng, người Gia Định. Bà được phong Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu, lấy vua Thiệu Trị, đứng đầu bộ phận "hậu cần" của Hoàng Đế, có nhiều quyền uy đối với các cung phi khắp ba cung, sáu viện. Có lẽ bà muốn những người dưới tay mình phải dùng giọng nói pha âm sắc Nam Bộ để trao đổi cho dễ hiểu chẳng, bởi vì người Tân Hòa - Gia Định nghe giọng Huế "đặc sệt" có thể không hiểu mô tê chi cả.

Cũng có thể lệ này xuất hiện từ thời Minh Mạng vì ông này nổi tiếng là ông vua có nhiều vợ và phần lớn là người miền Nam. Về giọng nói Phụng Đức thì cho đến nay, thời gian qua quá lâu, trải nhiều thế hệ, giọng nửa Nam nửa Trung đã trở thành Huế rặt.

(Tô Kiều Ngân – Chuyện Huế ít ai biết)

Tiếng Bắc

Ở một làng miền Bắc có ông thành hoàng tên là "Tôm". Vì kiêng cử, dân làng gọi con tôm là "con tép".

Có thể vì vậy sau này con tôm nhỏ được gọi là con tép chẳng?

Tiếng Việt huyền diệu

Chuyện mạo từ tiếng Việt cũng làm rắc rối người nước ngoài có vợ là người Việt. Như người Việt nói cái bàn, cái nhà, cái giường, cái nón... nhưng không thể nói cái chó, cái mèo mà phải là con chó, con mèo, con người... Đồ vật là cái, động vật là con. Bây giờ nhiều cô cậu thanh niên Hà Nội thay vì nói cái xe Honda Dream thì lại dùng từ *con Đờ-rim*, rồi tiếp là *con Su (Suzuki)*, *con a còng (@)*, *con Tô (Toyota)*, *con Mợc (Mercedes)*...

Vợ chồng tôi có chuyện vui thế này: Tôi quen vợ tôi, một phần vì yêu các cô gái Việt Nam, một phần cũng để tra dồi thêm tiếng Việt. Một hôm chúng tôi ra Hồ Gươm dạo chơi, tôi khen: "Con hồ này đẹp quá!". Vợ tôi "chỉnh" liền: "Không, anh phải nói là cái hồ này đẹp quá!". Vậy mà đi ngang sông Tô Lịch thấy nước đen ngòm, tôi nói: "Cái sông này bẩn quá!". Vợ tôi "sửa" ngay: "Ày, phải nói là con sông này bẩn quá chứ không nói là cái sông!".

Tôi la lên:

"Ồ, sao lại thế, khi là cái, khi là con, làm sao phân biệt?".

Vợ tôi ôn tồn giải thích:

"Cái gì động dậy, nhúc nhích thì gọi là con, như con sông có nước chảy, còn cái gì nằm im như cái hồ nước tĩnh mịch thì phải là cái hồ. Con chó, con mèo nó chạy được nên phải là con. Cái nhà, cái cột đèn đâu có di chuyển được nên phải là cái. Rõ chưa?".

Lúc đó, tôi hiểu được một điều vô cùng thú vị:

"À, anh hiểu rồi! Tiếng Việt thật hay. Hèn gì cái... cái của anh nó nhúc nhích lên xuống nên phải gọi là con... Còn của... em, nó nằm im một chỗ nên phải gọi là cái, cái..."

Khác biệt văn hóa

Hà Nội: nếu bạn gọi cái tẩy thì nó sẽ là cái tẩy

Sài Gòn: nếu bạn gọi cái tẩy, họ sẽ mang đến cho bạn một ly nước đá

Ngưu là...trâu

Các thầy đồ Nho học ngày xưa dạy học trò: “Ngưu là *trâu*, mã là ngựa”. Đó là sự hiểu lầm. Người Hoa khởi nguồn từ miền hoàng thổ khô cạn vùng Hoa Bắc, ở đó chỉ có giống bò và “ngưu” nghĩa là...con bò.

Bành trướng xuồng phương nam, người Hoa mới thấy con trâu và gọi nó là “thủy ngưu” (bò nước) hay “hắc ngưu” (bò đen).

Trâu là tiếng Nôm, để viết chữ trâu, người Việt ta dùng chữ Hán viết chữ ngưu là “bò”, bên cạnh viết thêm chữ *lâu* (lâu là trên gò đất) là âm “âu” và gọi là trâu.

(Trần Quốc Vượng – Văn hóa Việt Nam)

Tiếng Việt trong sáng

Sự cố: Lại một từ vô nghĩa nữa nhưng đang được dùng một cách rộng rãi để chỉ một sự rắc rối vừa mới xảy ra. Trong tiếng Hán Việt có từ kép *cố sự* có nghĩa là chuyện cũ chứ làm gì có từ sự cố. Cái nghĩa mà hiện nay người ta gán cho từ vô nghĩa đó thực là lạ lùng, không thể chấp nhận được.

(Triêu Thanh tạp chí)

Chữ nghĩa làng văn

Ngoài họ tên do cha mẹ đặt, vua chúa ban, người nào muốn thì cứ việc tự chọn cho mình tên hiệu, bí danh. Qua tên hiệu, người thì muốn bày tỏ tình cảm với núi sông, quê quán (Tản Đà, Thu Bồn, Cửu Long Giang...), người thì ấp ủ một ý chí (Thép Mới, Sóng Hồng, Trường Chinh...). Có người lại thích cầu kỳ, bí hiểm như Đái Đức Tuấn chọn tên hiệu là Tchya (có người giải là *Tôi chẳng yêu ai* hay *Tôi chỉ yêu anh*?). Thử Lễ nói lái thành Thế Lễ. Khánh Giu sắp xếp lại thành Khái Hưng ...

Chả thấy thằng Tèo, cái Hĩm đâu cả.

(Nguyễn Dữ - Mập mờ và li kì nhất có lẽ là tên Lê Lai)

Tết và tiết

Chữ “Tết” đồng âm với chữ “Tiết” trong 24 “tiết khí” của lịch nông nghiệp. Tết Việt Nam lại hầu như trùng với ngày đầu tiên của *Tiết lập xuân*, là ngày khởi đầu cho việc trồng trọt, gọi là ngày Nguyên Đán. Cho nên người Việt chúng ta bắt đầu nhầm lẫn, sau đó là thành thói quen và cuối cùng đã biến Tết, một ngày lễ hội mừng năm mới theo Lịch nông nghiệp thành Tết Nguyên Đán.

Một số người cho rằng từ nguyên của *Tết* là xuất xứ từ *tiết* Nguyên Đán bên Tàu. Sự nhầm lẫn này đã tạo ra suy nghĩ Tết cổ truyền Việt Nam có xuất xứ từ Tàu. Và cho rằng chúng ta lệ thuộc vào văn hóa Tàu. Tết cổ truyền Việt Nam là lễ hội có trước ngày lễ “Tân niên”, lễ mừng ngày Nguyên Đán của người Tàu rất lâu. Và nếu như hai ngày lễ này có giống nhau về truyền thống, thì chính người Tàu bắt chước người Việt mới có lễ hội này chứ không thể nói rằng Tết cổ truyền Việt Nam xuất xứ từ Tàu được.

Hãy xem Khổng Tử viết trong sách Kinh Lễ như sau:

”Ta không biết Tết là gì, nghe đâu đó là tên của một ngày lễ hội lớn của bọn người Man, họ nhảy múa, uống rượu và ăn chơi vào những ngày đó, họ gọi tên cho ngày đó là “Tế sạ”.

Sách Giao Chỉ Chí cũng có đoạn viết “Người Giao Quận thường tập trung lại nhảy múa hát ca, ăn uống trong nhiều ngày để vui mừng một mùa cấy trồng mới, gọi ngày đó là Nèn- Thêts. Chỉ có bọn man di mới có ngày hội đó, bên ta không có như thế..”

Trong khi lễ “Tân Niên” của người Tàu thì sao?

Theo lịch sử Trung Hoa, nguồn gốc Xuân tiết, Tân niên hoặc Nông lịch tân niên có từ đời Tam đại, nhà Hạ chọn ngày đầu tháng giêng. Nhà Thương lấy ngày đầu tháng chạp, làm tháng đầu năm. Nhà Chu chọn tháng mười một.

Như vậy là ngày Tân Niên của Tàu có sau ngày Tết cổ truyền Việt rất xa. Thế thì tại sao lại nói ngày Tết cổ truyền Việt Nam là có từ tết Tàu được.

Nếu tra theo từ “nguyên” của chữ Tết, vốn chẳng liên quan gì đến chữ “tiết” trong tiết Nguyên Đán của lịch Tàu cả. Vì bởi Nguyên Đán vốn không phải là tiết trong 24 bốn tiết khí của thời tiết. Nguyên Đán chỉ là buổi sáng đầu tiên trong ngày khởi đầu của tiết lập xuân thôi. Nguyên: nguyên vẹn, khởi đầu, Đán: buổi sáng, vốn

không phải là tiết khí, vả lại ngày Nguyên Đán là ngày đầu của Tết Lập Xuân, không nhất thiết trùng với ngày đầu tiên của tháng đầu tiên trong năm được.

Vì vậy Tết không thể là “Tiết” Nguyên Đán và càng không phải là “Tết” Nguyên Đán được.

Những tác giả tiên phong của thơ mới



Phan Khôi

Khi nói đến phong trào thơ mới, thường văn học sử hay nhắc đến bài *Tình già* của Phan Khôi xuất hiện trên tờ Phụ Nữ Tân Văn số 122 ra ngày 10 tháng 3 năm 1932. Sẽ là thiếu sót nếu không kể thêm các tác giả khác như Nguyễn Thị Manh Manh (*) với bài *Hai cô thiếu nữ* năm 1933 và Hồ Văn Hảo với bài *Con nhà thất nghiệp* cũng năm 1933.

Manh Manh tên thật là Nguyễn Thị Kiêm, người Gò Công sinh năm 1914, ngoài làm thơ còn là một nữ diễn giả thời kỳ đó. Bài *Hai cô thiếu nữ* nói về hai cô gái, một ở quê, một ở tỉnh thành. Họ cùng gặp một bà lão nghèo khổ đang tự nuôi thân và đưa cháu mồ côi. Cô ở quê cho bà lão giở cá, cô tỉnh thành cho bó hoa.

[Cô ở đồng tay đưa giỏ cá](#)

[Bà ơi, cá tui bán được giá cao](#)

....

[Hai cô thiếu nữ đi khỏi đồng](#)

[Cô áo hồng mang nặng cái giỏ bông](#)

Hồ Văn Hảo xuất hiện trên Phụ Nữ Tân Văn ở Sài Gòn và nổi danh với bài *Tình thâm* và *Con nhà thất nghiệp*:

[Ngọn đèn leo lét](#)

Xơ xác một óc nhà tranh

...

Ngọn đèn tàn
Hết dầu nên lu lạt

(Nguyễn Thị Vinh – Cỏ bông lìa gốc)

Tiếng Việt trong sáng

Trong tự điển đã có “nhắc nhở” rồi, sao lại còn đổi qua “nhắc nhớ”? “Nhắc nhở” không khác “nhắc nhớ” bao nhiêu, dùng đã quen rồi thì đổi làm gì.

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Mèn quơ! Trung tui già rầu mà còn đòi biết "hôn" là chi ta 🤔
Ừa, mà "hôn" với "hun" có khác nhau không ta?

Hôn nhau trên cầu gọi là cầu hôn
Hôn người nào đó gọi là hôn nhân
Hôn con vật nào đó gọi là hôn thú
Hôn thêm cái nữa gọi là tái hôn
Hôn 2 cái một lượt gọi là song hôn
Hôn từ già gọi là từ hôn

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com sưu tầm)

Tam muội

Ba điều tối tăm mê muội là *tham, sân, si*.
Trong *Sãi vãi* của Nguyễn Cư Trinh có câu “Ước siêu tam muội,
ngõ thoát cửu tuyền”.

Chữ nghĩa tiếng Việt

Với phát hiện của Võ Phiến, ông nêu lên sự giàu có của lớp từ vựng chỉ việc chế biến bằng lửa các món ăn mặn trong tiếng Việt: *nấu, nướng, chiên, kho, hầm, hâm, ninh, hấp, rán, ran, chưng, luộc, chần, trụng, lụi, trui, phi, xào, xáo, quay, um, tráng (chả), đồ (bánh bèo), rim, tiêm, đồ, xôi, thổi, đun, hun, nhúng, khử, đồ,*

chấy, thặng, đúc (bánh), bung, sao, hui, (thịt) hon, khía, thương, thuôn (thịt), om (cà), tần, ám (cá), v.v...

Sau đó, ông nhận xét: “hầu hết là tiếng thuần Việt” và bàn tiếp: “Trong các lãnh vực văn học, triết học, hành chánh, kỹ thuật nông nghiệp... ta phải mượn vô số tiếng của người, kho ngôn ngữ ta lộn nhồn đầy tiếng Hán Việt. Nhưng khi vào bếp thì ta ngẩng cao đầu, không cần học theo ai, không mượn tiếng nói của ai cả.”

(Nguyễn Hưng Quốc – Đi tìm Võ Phiến)

Tao nhân mặc khách

Tao nhân: Khuất Nguyên người nước Sở có bài *Ly tao*. Từ đó có từ “*tao nhân*”. Rồi đến câu *tao nhân mặc khách* với “*mặc*” là mặc. *Tao nhân mặc khách* chỉ người *tao nhã*, người *văn chương*.

(Đào Duy Anh – Hán Việt từ điển)

Văn học miền Nam

Bình Nguyên Lộc có một lập trường văn học riêng, không theo Bắc, hoàn toàn theo Bắc như Đông Hồ, cũng không giữ nguyên đặc chất Nam kỳ như Hồ Biểu Chánh, Vương Hồng Sển. Trong truyện ngắn chất Nam thường nổi bật, trong truyện dài ông ngã theo lối Bắc. Đó là một thái độ lựa chọn: Bình Nguyên Lộc chọn thái độ trung dung trong tinh thần giao hoà Nam Bắc, kết hợp lịch sử di dân với ngôn ngữ con người.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, Hồ Biểu Chánh đã dùng tiếng Nam như một chính ngữ; như thế Hồ Biểu Chánh muốn chống lại thành kiến của số đông người Bắc, tự cho tiếng Bắc là "chính", là "chuẩn", tiếng Nam là "phụ", là tiếng "địa phương", "quê mùa", "hủ lậu". Thành kiến này, gần đây, vì lý do chính trị, có vẻ được củng cố mạnh mẽ hơn, cho nên 30 năm sau ngày thống nhất đất nước, vẫn có người không bằng lòng khi thấy một số bảng hiệu ở ngoài Bắc đã bắt đầu dùng tiếng Nam. Đối với một số thành phần bảo thủ ở Bắc, tiếng Nam, vẫn tiếp tục là thứ tiếng ngoại vi "không chấp nhận" được. Dùng tiếng Nam làm chính ngữ, Hồ Biểu Chánh chỉ làm một việc tự nhiên.

Đông Hồ Lâm Tấn Phác đi ngược lại phong cách Hồ Biểu Chánh. Tâm hồn Đông Hồ và ngôn ngữ Đông Hồ dường như đã bị "Bắc hoá" hoàn toàn. Dưới con mắt những người như Vương Hồng Sển, Đông Hồ có thể bị "khai trừ" khỏi "thổ ngòi" miền Nam. Văn phong Đông Hồ không thoát khỏi không khí Tương Phố, Á Nam Trần Tuấn Khải.

Cái "gốc Bắc", "tổ tiên" nguồn cội ngoài Bắc, được Bình Nguyên Lộc trân trọng tìm kiếm, không riêng gì khía cạnh lịch sử Nam tiến, mà còn cả về nguồn cội ngôn ngữ. Ngoài sách biên khảo, trong tiểu thuyết, khi dùng một chữ có tính chất đặc biệt địa phương miền Nam, ông thường tìm cách giải thích ngay bên cạnh, chữ này ngoài Bắc dùng chữ gì. Đôi khi còn phê bình luôn là chữ Nam hay chữ Bắc hay hơn, có lý hơn, hoặc nói rõ xuất xứ tại sao lại có sự khác biệt như vậy. Tất cả những lý giải, nhiều khi trở thành nhược điểm làm nặng sáng tác, nhưng chúng thoát thai từ lối kể chuyện đường dài, trong truyền thống "kể", "nói" của văn chương miền Nam.

Trong hoàn cảnh thiếu tư liệu để có một cái nhìn về tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc, qua một vài tác phẩm đã đọc, chúng tôi tin rằng: Ông tiếp nối truyền thống tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn. Ông chưa mở ra được một hướng đi mới cho tiểu thuyết như ông đã làm cho truyện ngắn: ảnh hưởng Khải Hưng, Nhất Linh.

(Thụy Khuê – Bình Nguyên Lộc: Đất nước và con người)

Giá sách cũ

Một biến chuyển rất quan trọng cho chữ quốc ngữ là việc triều đình Huế là bài bỏ các kỳ thi Hán học. Kỳ thi Hương cuối cùng ở Bắc kỳ là năm Ấy Mão 1915.

Ở Huế là năm Mậu Ngọ 1918. Trong kỳ thi Mậu Ngọ này, ngoài những bài thi bằng chữ quốc ngữ như luận, toán, sử địa còn có Pháp văn nữa trong phần khảo hạch.

Năm Kỷ Mùi 1919 khoa thi Hội cuối cùng ở Huế và trên toàn quốc.

(Tạ Quang Khôi – Sơ lược nền văn học Việt Nam thế kỷ 20)

Tiếng Việt vừa dễ vừa không dễ

Hỏi : Minh thấy câu tục ngữ “*bút sa gà chết*” rất hay. Ý nó muốn nói đến việc phải suy nghĩ kỹ trước khi đưa ra một quyết định nào đó. Nhưng tại sao lại là gà “chết”? Bạn nào biết giải nghe coi.

Đáp : Có nhiều câu “tục” ngữ, tui nghĩ nó chẳng xuất xứ từ sách vở hay điển cố nào, mà tùy hứng từ bàn nhậu của mấy ông nhà báo năm nào năm nao, nếu truy ra thì có trời mới biết được như câu tương tự “*Sai một con toán, bán một con trâu*”. Trong câu “*Bút sa gà chết* này” này sở dĩ con gà phải chịu chết, chắc chẳng qua là nó xấu số, tên của nó cùng một vần với...chữ sa.

Thí dụ như bây giờ tui nói : Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ đai (die) một vần. Biết đâu vài mươi năm nữa, có khối người sẽ thắc mắc “*thành ngữ*” trên ở đâu mà ra...như bạn dzậy!?



(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đầu gối cao

Em nằm coi bộ phim Tàu
Đĩa cơm nằm kề bên đầu gối cao
Ăn xong hút thuốc phì phào
Trên chần dưới gối chỗ nào cũng hôi
Sớm mai em bỏ về rồi
Anh châm điếu thuốc anh mời bài thơ
(*Nguyễn Sa*)

Tiếng Việt cổ

Thời Lê Trịnh người Tàu tràn qua nước ta cả 50000 người, hoạt động của họ ảnh hưởng tới mọi ngành kể cả ngôn ngữ. Bản dịch của Langlet cho biết họ chi phối ngôn ngữ của ta với những từ mới của họ như: “...*hoa, quả, thuyền, thia* đi vào Việt ngữ là vậy...”

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Truyện chớp: Chuyện tối qua

Em đến bên anh nhẹ nhàng trong một buổi tối êm dịu như đêm qua, và những gì xảy ra trên giường của anh còn đọng lại trong anh những cảm giác khó tả. Em chợt đến từ một nơi hư vô nào đó, không hề báo trước. Em nằm trên người anh, em làm tan biến cảm giác băng giá trong anh. Em cắn anh, không hề tội lỗi, em làm cho anh phát điên. Cuối cùng anh chìm vào trong giấc ngủ.

Sáng nay, khi anh tỉnh dậy thì em đã đi rồi. Anh tìm em nhưng không thấy dấu vết chỉ có những bức tường chứng kiến chuyện đôi ta đêm hôm qua. Cơ thể anh vẫn còn in dấu vết của em. Đêm nay, anh sẽ thức chờ em. Ngay khi em đến anh sẽ vồ lấy em, anh sẽ không để em ra. Anh sẽ giữ chặt em trong lòng bàn tay anh để em mãi mãi không biến mất. Anh sẽ giết chết em:

Những



đáng ghét nhất trần đời.

(Phụ chú: Truyện trích từ nhật ký của một sinh viên trọ học thường xuyên bị... muỗi cắn).

